

Số: 10/2026/QĐST-DS

Hải Phòng, ngày 15 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Vân Anh.

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thu Hà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng tham gia phiên họp: Bà Cao Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 101/2026/TLST-VDS ngày 22 tháng 4 năm 2026 về việc " Yêu cầu tuyên bố một người là người mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi " theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 10/2026/QĐST-VDS ngày 22 tháng 6 năm 2026 và Thông báo thời gian mở lại phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự ngày 06 tháng 7 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:** Ông Nguyễn Đức B, sinh ngày 22/4/1959. Căn cước công dân số: 03005900XXXX; cấp ngày: 28/6/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Tổ dân phố T (nay là tổ dân phố T), phường C, thành phố Hải Phòng.

- **Người bị yêu cầu tuyên bố là người mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi:** Bà Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 01/01/1949. Căn cước công dân số: 03014900XXXX; cấp ngày: 28/6/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Tổ dân phố T (nay là tổ dân phố T), phường C, thành phố Hải Phòng.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị V, sinh ngày 10/5/1942. Căn cước công dân số: 03014200XXXX; cấp ngày: 06/8/2022; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Tổ dân phố T (nay là tổ dân phố T), phường C, thành phố Hải Phòng.

2. Ông Nguyễn Đức L, sinh ngày 01/4/1968. Căn cước công dân số: 03006800XXXX; cấp ngày: 10/3/2022; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường C, thành phố Hải Phòng.

3. Ông Nguyễn Đức S, sinh ngày 20/01/1971. Căn cước công dân số: 03007100XXXX; cấp ngày: 28/6/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường C, thành phố Hải Phòng.

4. Bà Nguyễn Thị L1, sinh ngày 02/6/1976. Căn cước công dân số: 03017602XXXX; cấp ngày: 22/12/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Tổ dân phố M (nay là tổ dân phố S), phường C, thành phố Hải Phòng.

5. Ông Nguyễn Đức L2, sinh ngày 10/11/1979. Căn cước công dân số: 03007900XXXX; cấp ngày: 29/3/2023; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường C, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V, ông L, ông S, bà L1, ông L2: Ông Nguyễn Đức B, sinh ngày 22/4/1959; Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường C, thành phố Hải Phòng.

Các đương sự đều đề nghị vắng mặt tại phiên họp.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu của người yêu cầu giải quyết việc dân sự, ông Nguyễn Đức B trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Nguyễn Đức Q (đã chết năm 1996) và cụ Nguyễn Thị T (đã chết năm 2011) sinh được 6 người con gồm:

+ Nguyễn Thị V, sinh năm 1942.

+ Nguyễn Đức T1, sinh năm 1946, đã chết năm 1994. Có con là: Nguyễn Đức L, Nguyễn Đức S, Nguyễn Thị L1 và Nguyễn Đức L2.

+ Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1949.

+ Nguyễn Đức K, sinh năm 1951, đã chết năm 1973. Là liệt sỹ, không có vợ con.

+ Nguyễn Thị B1, sinh năm 1957, đã chết năm 1980. Chết trẻ, không có chồng con.

+ Nguyễn Đức B, sinh năm 1959.

Bản thân gia đình ông từ trước đến nay không ai bị mắc bệnh giảm thiểu trí tuệ và năng lực. Tuy nhiên trong số các anh chị em và con cháu sinh ra thì có bà Nguyễn Thị Đ từ nhỏ đã không phát triển tâm lý thể chất và năng lực hành vi bình thường như những người cùng trang lứa, bà không thể nghe được và không thể nói được, không giao tiếp được với xã hội nên cũng không được đi học. Bà sống cùng

bố mẹ và gia đình từ nhỏ cho đến nay, bà vẫn có thể làm được những việc nhỏ và vệ sinh cá nhân bình thường chỉ không thể nghe và không thể nói được, nên sống phụ thuộc vào gia đình và được hưởng trợ cấp hàng tháng với người khuyết tật nặng.

Nhằm bảo đảm có người giám hộ cho bà Nguyễn Thị Đ thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với quyền lợi dân sự của bà Đ theo quy định của pháp luật, bản thân ông đề nghị Tòa án tuyên bố bà Nguyễn Thị Đ là người mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Trường hợp bà Đ là người mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì ông đề nghị Tòa án chỉ định ông là người giám hộ đương nhiên cho bà Đ theo quy định của pháp luật vì bà Đ không có chồng, con, bố mẹ ông là cụ Nguyễn Đức Q và cụ Nguyễn Thị T đều đã chết. Ông sẽ là người đại diện hợp pháp trong các giao dịch dân sự liên quan đến quyền lợi của bà Nguyễn Thị Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Đức L, ông Nguyễn Đức S, bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Đức L2 thống nhất với trình bày của ông B và nhất trí với yêu cầu của ông B về việc đề nghị bà Đ là người mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, đồng thời đề nghị Tòa án chỉ định ông B là người giám hộ cho bà Đ.

Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết, đã tiến hành trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với bà Nguyễn Thị Đ. Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 201/KLGĐ ngày 22/6/2026, Viện Pháp y Tâm thần Trung ương đã kết luận: *"Tại thời điểm giám định (hiện tại) đối tượng Nguyễn Thị Đ bị bệnh: Chậm phát triển tâm thần khác; theo Phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 (ICD 10), có mã bệnh là F78. Tại thời điểm trên, đối tượng Nguyễn Thị Đ là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi".*

Tại phiên họp: Ông Nguyễn Đức B xin vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, ông B giữ nguyên yêu cầu như nội dung trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng trình bày ý kiến xác định: Việc giải quyết việc dân sự của Tòa án đã đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết đề nghị Tòa án: Áp dụng khoản 1 Điều 27, Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 146, khoản 1 Điều 149, Điều 361, Điều 370, Điều 376, Điều 378, Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 23, Điều 46, điểm d khoản 1 Điều 47, Điều 48, Điều 49, khoản 4 Điều 54, khoản 2 Điều 57, khoản 2 Điều 58 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Nguyễn Đức B, tuyên bố bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1949; địa chỉ: Tổ dân phố T (nay là tổ dân phố T), phường C, thành phố Hải Phòng là người có khó khăn

trong nhận thức, làm chủ hành vi. Chỉ định ông Nguyễn Đức B, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ dân phố T (nay là tổ dân phố T), phường C, thành phố Hải Phòng là người giám hộ của bà Nguyễn Thị Đ. Ông Nguyễn Đức B có các quyền và nghĩa vụ của người giám hộ đối với người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định tại khoản 1 Điều 57 và khoản 1 Điều 58 Bộ luật Dân sự. Về chi phí giám định: Không đặt ra giải quyết. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Đức B được miễn lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Đ cư trú tại tổ dân phố T (nay là tổ dân phố T), phường C, thành phố Hải Phòng; Ông Nguyễn Đức B yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Nguyễn Thị Đ là người mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng thụ lý giải quyết yêu cầu của ông Nguyễn Đức B là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 27; Điều 35; điểm a khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Người yêu cầu là ông Nguyễn Đức B và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có văn bản trình bày ý kiến và được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên họp nhưng vắng mặt, đồng thời có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Đức L, ông Nguyễn Đức S, bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Đức L2 đã ủy quyền cho ông B tham gia tố tụng.

Việc ông B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp không ảnh hưởng đến việc giải quyết việc dân sự. Do vậy, Tòa án quyết định vẫn tiếp tục tiến hành phiên họp theo khoản 2, 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của ông B:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc thể hiện: Bà Nguyễn Thị Đ có tiền sử bệnh lý tâm thần từ nhỏ, không phát triển tâm lý thể chất và năng lực hành vi bình thường như những người cùng trang lứa, không có khả năng nghe nói, không được đi học. Bà Đ sống phụ thuộc vào gia đình và được hưởng trợ cấp hàng tháng với người khuyết tật nặng.

Căn cứ vào Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 201/KLGD ngày 22/6/2026, Viện Pháp y Tâm thần Trung ương xác định bà Nguyễn Thị Đ bị

bệnh: Chậm phát triển tâm thần khác; là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Do vậy, có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị Đ là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Bộ luật Dân sự. Căn cứ Điều 378 Bộ luật Tố tụng dân sự, cần chấp nhận yêu cầu của ông B.

[4] Về giám hộ:

Bà Nguyễn Thị Đ có bố là cụ Nguyễn Đức Q (đã chết năm 1996) và mẹ là cụ Nguyễn Thị T (đã chết năm 2011). Qua thông tin xác nhận của những người làm chứng xác định bà Đ không có chồng, con.

Ông Nguyễn Đức B là em ruột của bà Đ đề nghị Tòa án chỉ định ông là người giám hộ cho bà Đ. Đồng thời, bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Đức L, ông Nguyễn Đức S, bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Đức L2 là các thành viên trong gia đình cũng thống nhất đề nghị xác định ông B làm người giám hộ cho bà Đ.

Xét thấy, ông B có đủ năng lực hành vi dân sự, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc là người bị kết án nhưng chưa được xóa án tích về một trong các tội có ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người khác, đủ tư cách đạo đức, điều kiện cần thiết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của người giám hộ. Do đó, cần chỉ định ông Nguyễn Đức B là người giám hộ cho bà Đ và xác định quyền và nghĩa vụ của ông B theo quy định tại Điều 46; Điều 53; khoản 4 Điều 54; Điều 57, Điều 58 Bộ luật Dân sự.

[5] Về chi phí giám định: Người yêu cầu là ông Nguyễn Đức B đã nộp toàn bộ chi phí giám định pháp y tâm thần đối với bà Đ và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản chi phí này nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

[6] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Đức B là người cao tuổi, được miễn lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 27; Điều 35; điểm a khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 146, khoản 1 Điều 149; Điều 361, Điều 370, Điều 376, Điều 377, Điều 378 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 23, Điều 46, điểm d khoản 1 Điều 47, Điều 48, Điều 49, Điều 53; khoản 4 Điều 54; khoản 2 Điều 57, khoản 2 Điều 58 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Đức B về việc “Yêu cầu tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi”.

Tuyên bố: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1949; trú tại tổ dân phố T, phường C, thành phố Hải Phòng là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

2. Chỉ định ông Nguyễn Đức B là người giám hộ cho bà Nguyễn Thị Đ.

- Người giám hộ có quyền:

a) Sử dụng tài sản của người được giám hộ để chăm sóc, chi dùng cho những nhu cầu thiết yếu của người được giám hộ;

b) Được thanh toán các chi phí hợp lý cho việc quản lý tài sản của người được giám hộ;

c) Đại diện cho người được giám hộ trong việc xác lập, thực hiện giao dịch dân sự và thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người được giám hộ.

- Người giám hộ có nghĩa vụ:

a) Chăm sóc, bảo đảm việc điều trị bệnh cho người được giám hộ;

b) Đại diện cho người được giám hộ trong các giao dịch dân sự;

c) Quản lý tài sản của người được giám hộ;

d) Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người được giám hộ.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Đức B là người cao tuổi, được miễn lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Ông Nguyễn Đức B, bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Đức L, ông Nguyễn Đức S, bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Đức L2 vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 9 – Hải Phòng;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Vân Anh